Số: 3802/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-11-25T08:53:51+07:00

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH, MỘT PHẦN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ Y TẾ

(Kèm theo Quyết định số 3802/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2026 của UBND thành phố)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
I		**Lĩnh vực thiết bị y tế**
1	3.000448	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B
2	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế
3	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D
4	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B
5	3.000447	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B
6	3.000449	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất
II		**Lĩnh vực Bảo trợ xã hội**
7	1.001653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN

	Mã TTHC	Tên TTHC	Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
			Một phần	Quy định tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ phải hiện diện tại cơ quan nhà nước	Cơ quan nhà nước phải đi thẩm tra, xác minh tại hiện trường theo quy định của pháp luật	Sự cố kỹ thuật chưa thể khắc phục ngay	Các vấn đề kỹ thuật khác chưa thể xử lý được	Lý do khác	Ghi chú
A	**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP THÀNH PHỐ**								
I	**Lĩnh vực Dược, mỹ phẩm**								
1.	1.014092	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc.	
2.	1.014099	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	X						

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
3.	1.014100	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	X						
4.	1.014101	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc.	
5.	1.014087	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	X						
6.	1.003055	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	X		Điều 9 Nghị định số 93/2016/NĐ-CP				
7.	1.002600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn	

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
								trình đồng bộ trên toàn quốc.	
8.	1.003064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	X						
9.	1.014069	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc	X						
10.	1.014105	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, 4ung hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản 4ung người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	X						
11.	1.014090	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, 4ung hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản 4ung người nhập cảnh	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc.	
12.	1.014102	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	X						
13.	1.003073	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	X						

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
14.	1.009566	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	X						
15.	1.014104	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	X						
16.	1.014076	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	X		Khoản 3, Điều 21, Nghị định số 163/2025-NĐ-CP				
17.	1.014078	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn 5ung còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn	

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
								trình đồng bộ trên toàn quốc.	
18.	1.002238	Xác nhận Đơn 6ung nhập khẩu mỹ phẩm 6ung cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	X						
19.	1.014203	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.	X		Khoản 3 Điều 21 Nghị định 163/2025/NĐ-CP				
20.	1.003068	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT	X		Khoản 4 Điều 11, Điều 12 Thông tư số 04/2018/TT-BYT				
II	**Lĩnh vực Phòng bệnh**								
21.	1.013866	Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển	

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
								khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc.	
22.	1.013874	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	X						
23.	1.013887	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	X						
24.	1.013891	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	X						
25.	1.013895	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc.	
26.	1.013867	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị	X						

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
		đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế							
27.	1.013868	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất.	X						
28.	1.013870	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc.	
29.	1.013872	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	X						
30.	1.013875	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu	X						

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
31.	1.013880	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc.	
32.	1.013881	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng	X						
33.	1.013883	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu	X						
34.	1.013886	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn	

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
								trình đồng bộ trên toàn quốc.	
35.	1.013889	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	X						
36.	1.013892	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	X						
37.	1.001386	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc.	
38.	1.013890	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	X						
39.	1.013860	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	X					Không phát sinh hồ sơ trong năm	
40.	1.013864	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn	

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
								hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc.	
41.	1.003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	X						
42.	2.000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	X					Bãi bỏ từ ngày 01/7/2027 tại Quyết định số 2002/QĐ-BYT ngày 02/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế	
43.	1.013878	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	X						
44.	1.013884	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn	X						
45.	1.013893	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất	X						
46.	1.013865	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn	X					Bãi bỏ từ ngày 01/7/2027 tại	

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
		sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm						Quyết định số 2002/QĐ-BYT ngày 02/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế	
47.	1.013869	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	X						
48.	1.013873	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	X						
49.	1.013879	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	X						
50.	1.013036	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	X					Do phát sinh dưới 10 hồ sơ/năm	
51.	1.013037	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	X						
52.	2.000993	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	X		Nghị định số 165/2026/NĐ-CP Quy trình Kiểm dịch y tế có bước kiểm tra thực tế				
53.	2.000981	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa	X						
54.	2.000972	Kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt	X						

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
55.	1.013034	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	X					Do phát sinh dưới 10 hồ sơ/năm	
56.	1.013035	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	X						
III	**Lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh**								
57.	1.012256	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc.	
58.	1.012275	Đăng ký hành nghề	X						
59.	1.012276	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	X						
60.	1.012260	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	X						

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
61.	1.012261	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	X		khoản 6 Điều 87 của Nghị định 96/2023/NĐ-CP				
62.	1.012262	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc.	
63.	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	X						
64.	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ,	X						

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
		điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng						
65.	1.012291	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc.	
66.	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	X						
67.	1.012273	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	X						

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
68.	1.012281	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	
69.	1.012257	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	X						
70.	1.012258	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	X						
71.	1.012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển	

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
								khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	
72.	1.012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	X						
73.	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	X		Điều 59 và Điều 60, 61 của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP				
74.	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	
75.	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	X		Điều 64,65,66 Nghị định 96/2023/NĐ-CP				
76.	1.006780	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	X		Khoản 5, Điều 7, Thông tư số 17/2014/TT-BYT (sửa đổi tại Thông				

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
					tư số 20/2026/TT-BYT)				
77.	1.001138	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	X		Khoản 2, Điều 7, Thông tư số 17/2014/TT-BYT (sửa đổi tại Thông tư số 20/2026/TT-BYT)				
78.	2.000559	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	X		Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 17/2014/TT-BYT (sửa đổi tại Thông tư số 20/2026/TT-BYT)				
79.	2.000552	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	X		Khoản 4 Điều 7 Thông tư số 17/2014/TT-BYT (sửa đổi tại Thông tư số 20/2026/TT-BYT)				
IV	**Lĩnh vực Bảo trợ xã hội**								
80.	1.013817	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn	

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
								trình đồng bộ trên toàn quốc	
81.	1.012993	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	X						
82.	1.012990	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	X		Điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ				
83.	1.001806	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	
V	**Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội**								
84.	1.014010	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	X					Do phát sinh dưới 10 hồ sơ/năm	
85.	1.014011	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	X						
86.	2.000025	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	X						

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
87.	2.000027	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	X						
88.	1.000091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	X						
VI	**Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng**								
89.	1.009346	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	
90.	1.009249	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	X						
VII	**Lĩnh vực giám định**								
91.	1.013876	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
92.	1.013871	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần	X				Thẻ giám định viên pháp y (bắt buộc in phôi cứng, có ảnh, có chữ ký và con dấu trực tiếp) nên người nộp vẫn phải nhận kết quả trực tiếp hoặc qua bưu điện, chứ chưa thể nhận kết quả điện tử trực tuyến hoàn toàn 100% để sử dụng ngay lập tức như các thủ tục toàn trình khác		
VIII	**Lĩnh vực Đào tạo và Nghiên cứu khoa học**								
93.	1.013824	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc	

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
		hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh						thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	
94.	1.004539	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	X						
IX	**Lĩnh vực Y Dược cổ truyền**								
95.	1.012419	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	X					Dưới 10 hồ sơ/năm Dưới 10 hồ sơ/năm	
96.	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	X						
97.	1.012417	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	X						
98.	1.012416	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	X						

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
99.	1.009407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	
100.	1.012415	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	X		Khoản 2, Điều 11 Thông tư số 02/2024/TT-BYT				
101.	1.014037	Thủ tục công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cổ truyền, dược liệu	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	
102.	1.008398	Cấp lại Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	X						

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
103.	1.008395	Đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	X		Khoản 2 Điều 12 Thông tư 19/2019/TT-BYT				
104.	1.008397	Đánh giá thay đổi, bổ sung việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	X		Khoản 4 Điều 16 Thông tư 19/2019/TT-BYT				
105.	1.008396	Đánh giá định kì việc duy trì đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	X		Khoản 3 Điều 14 Thông tư 19/2019/TT-BYT				
X	**Lĩnh vực An toàn thực phẩm**								
106.	1.013838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	
107.	1.013847	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất	X						

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
		khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS)							
108.	1.013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	X						
109.	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	X		Điều 14 Nghị định 224/2026/NĐ-CP. Căn cứ điểm b khoản 2 Phần 4 Phụ lục V Nghị định 148/2025/NĐ-CP				
110.	1.013858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	
111.	1.013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	X						

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
112.	1.013857	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	X		Khoản 3 Phần 7 Phụ lục V Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ				
113.	1.013854	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	X		Khoản 2 Phần 10 Phụ lục V Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ				
114.	1.013850	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	X		Khoản 2 Phần 9 Phụ lục V Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ				
115.	1.013844	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp	X		Khoản 2 Phần 8 Phụ lục V Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ				

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
		chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025						
116.	1.013841	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á-Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	
117.	1.013829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu	X						
118.	1.006424	Đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe	X						
B	**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**								
I	**Lĩnh vực Bảo trợ xã hội**								
119.	1.116909	Thực hiện trợ cấp xã hội và nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, hỗ trợ kinh	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn	

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
		phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng						hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	
120.	1.116910	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	X						
121.	1.014027	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	X						
122.	1.014028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	X						
123.	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	X		Điểm b Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 19/2026/TT-BYT ngày 9/6/2026 của Bộ Y tế	Điểm c Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/1/2019 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư			

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
						số 19/2026/TT-BYT ngày 9/6/2026 của Bộ Y tế			
II	**Lĩnh vực Trẻ em**								
124.	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	
125.	1.004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	X						
126.	2.001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	X		Theo quy định tại khoản 7, Điều 42 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP				

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
127.	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	X		Theo quy định tại khoản 2, Điều 45 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP				
III	**Lĩnh vực An toàn thực phẩm**								
128.	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế *(UBND cấp xã cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ kinh doanh dịch vụ ăn uống do UBND cấp xã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và có quy mô kinh doanh dưới 200 suất ăn/lần phục vụ)*	X		Điều 14 Nghị định 224/2026/NĐ-CP. Căn cứ điểm b khoản 2 Phần 4 Phụ lục V Nghị định 148/2025/NĐ-CP				
C	**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN LIÊN THÔNG GIỮA CẤP TỈNH VỚI CẤP XÃ**								
I	**Lĩnh vực Bảo trợ xã hội**								
129.	1.116907	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn	

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
								trình đồng bộ trên toàn quốc	
130.	1.116908	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	X		Điểm a Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21/8/2026 của Chính phủ				
II	**Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội**								
131.	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	
III	**Lĩnh vực Trẻ em**								
132.	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	X		Theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP			Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
133.	1.004944	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	X					Bộ Y tế đang phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình đặc thù tại từng địa phương để triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đồng bộ trên toàn quốc	
134.	1.115116	Đề nghị sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em cho người chưa thành niên là bị hại	X						
D	**NHÓM TTHC LIÊN THÔNG GIỮA CẤP BỘ, TỈNH, XÃ (Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng)**								
135.	1.012422	Đề nghị xét tặng Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú"	X				Thủ tục hành chính thực hiện liên giữa nhiều cơ quan và các cấp khác nhau, các hệ thống của các cơ quan khác nhau hiện chưa liên thông		

			Cung cấp DVC trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Y tế						
				Quy định					
							được với nhau		

III. DANH MỤC KHÔNG CUNG CẤP DVCTT TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN TẬP TRUNG CỦA BỘ Y TẾ

STT	**Mã số TTHC**	**Tên TTHC**
1	1.002204	Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người
2	1.014128	Cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án
3	1.014331	Cấp Giấy chứng sinh
4	1.014332	Cấp lại Giấy chứng sinh